**Phụ lục số 01**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024*

*quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN NGÂN HÀNG**  **THƯƠNG MẠI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……………. | *……., ngày ……. tháng ……. năm …….* |

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Ở TRONG NƯỚC, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, NGÂN HÀNG CON**

**Ở NƯỚC NGOÀI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Ngân hàng thương mại... đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài như sau:

**I. Danh sách đề nghị**

**1. Mạng lưới hoạt động ở trong nước:**

**1.1. Thành lập chi nhánh:**

1.1.1. Tên chi nhánh

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có)

c) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có)

d) Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có)

1.1.2. Địa điểm dự kiến đặt trụ sở chi nhánh (xã/phường/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh/thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương, Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương)

1.1.3. Chi nhánh thuộc/ không thuộc vùng nông thôn.

**1.2. Thành lập phòng giao dịch**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên phòng giao dịch đề nghị thành lập | Địa điểm dự kiến (xã/phường/thị trấn, quận/huyện/ thị xã/ thành phố thuộc tỉnh/thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương, Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương) | | Tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch |
| Địa điểm tại vùng nông thôn | Địa điểm khác |
| a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt  b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có)  c) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có)  d) Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có). |  |  |  |

**1.3. Thành lập đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện:**

1.3.1. Tên đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện;

1.3.2. Địa điểm đặt trụ sở đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện.

**2. Mạng lưới hoạt động ở nước ngoài:**

**2.1. Thành lập chi nhánh:**

2.1.1. Tên chi nhánh

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có)

c) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có)

d) Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có).

2.1.2. Địa điểm đặt trụ sở chi nhánh.

2.1.3. Vốn cấp cho chi nhánh (dự kiến).

**2.2. Thành lập ngân hàng con ở nước ngoài:**

2.2.1. Tên ngân hàng con

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có)

c) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có)

d) Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có).

2.2.2. Địa điểm đặt trụ sở ngân hàng con.

2.2.3. Vốn thành lập ngân hàng con (dự kiến).

2.2.4. Thành viên sáng lập, cổ đông sáng lập ngân hàng con (tên, địa chỉ); dự kiến số tiền góp vốn, tỷ lệ góp vốn, số cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên sáng lập, cổ đông sáng lập ngân hàng con ở nước ngoài.

**2.3. Thành lập văn phòng đại diện:**

2.3.1. Tên văn phòng đại diện;

2.3.2. Địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện.

**II. Đánh giá việc ngân hàng thương mại đáp ứng từng điều kiện để được thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước và chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoàitheo quy định**

**1. Đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động dưới 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:**

1.1. Giá trị thực của vốn điều lệ tại tháng liền kề trước thời điểm đề nghị :………..

1.2. Hoạt động kinh doanh có lãi đến tháng liền kề trước thời điểm đề nghị:……………

1.3. Phân loại tài sản có, trích lập dự phòng rủi ro tại quý trước liền kề thời điểm đề nghị; tỷ lệ nợ xấu tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị:

- Dự phòng chung phải trích:…………………………………………….

- Dự phòng chung thực trích:…………………………………………….

- Dự phòng cụ thể phải trích:…………………………………………….

- Dự phòng cụ thể thực trích:…………………………………………….

- Tỷ lệ nợ xấu (%):

1.4. Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại Điều 134, 135, 136, 137; khoản 1 Điều 138 và Điều 142 Luật Các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này liên tục từ ngày bắt đầu khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị.

a. Đảm bảo □                            b. Không đảm bảo □

1.5. Tại thời điểm đề nghị, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của ngân hàng thương mại có số lượng và cơ cấu theo đúng quy định của pháp luật, không bị khuyết Tổng giám đốc.

a. Đảm bảo □                            b. Không đảm bảo □

- Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Đại diện vốn góp (tên tổ chức, tỷ lệ vốn góp/vốn điều lệ) | Chức danh (Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập) | Thành viên là người điều hành (có/không) | Tên người có liên quan tham gia Hội đồng quản trị của TCTD | |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |

- Ban kiểm soát

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Chức danh (Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách) |
| 1. |  |  |
| 2. |  |  |

- Họ và tên Tổng giám đốc:...

1.6. Tại thời điểm đề nghị, ngân hàng thương mại có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 57, Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật.

a. Đảm bảo □                            b. Không đảm bảo □

1.7. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cấp tín dụng; tỷ lệ bảo đảm an toàn; phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị;

a. Đảm bảo □                            b. Không đảm bảo □

1.8. Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng mạng lưới;

a. Đảm bảo □                            b. Không đảm bảo □

1.9. Đáp ứng điều kiện về số lượng chi nhánh được phép thành lập theo quy định tại Thông tư:

a. Đảm bảo □                            b. Không đảm bảo □

1.10. Tại thời điểm đề nghị, các đơn vị thuộc mạng lưới ở trong nước được chấp thuận thành lập trong năm trước liền kề năm đề nghị đã khai trương hoạt động

a. Đảm bảo □ b. Không đảm bảo □

**2. Đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị**

2.1. Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị:

2.2. Lợi nhuận sau thuế năm 202...:

Theo báo cáo tài chính hợp nhất có kiểm toán:………tỷ đồng

Theo báo cáo tài chính riêng lẻ có kiểm toán:………tỷ đồng

2.3. Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại Điều 134, 135, 136, 137; khoản 1 Điều 138 và Điều 142 Luật Các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này liên tục trong trong thời gian 12 tháng trước tháng đề nghị.

a. Đảm bảo □                            b. Không đảm bảo □

2.4. Phân loại tài sản có, trích lập dự phòng rủi ro tại quý trước liền kề thời điểm đề nghị; tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước liền kề năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị:

- Dự phòng chung phải trích:……………………………………………………

- Dự phòng chung thực trích:……………………………………………………

- Dự phòng cụ thể phải trích:……………………………………………………

- Dự phòng cụ thể thực trích:……………………………………………………

- Tỷ lệ nợ xấu (%):

2.5. Tại thời điểm đề nghị, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của ngân hàng thương mại có số lượng và cơ cấu theo đúng quy định của pháp luật, không bị khuyết Tổng giám đốc.

a. Đảm bảo □                            b. Không đảm bảo □

- Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Đại diện vốn góp (tên tổ chức, tỷ lệ vốn góp/vốn điều lệ) | Chức danh (Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập) | Thành viên là người điều hành (có/không) | Tên người có liên quan tham gia Hội đồng quản trị của TCTD |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |

- Ban kiểm soát

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Chức danh (Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách) |
| 3. |  |  |
| 4. |  |  |

- Họ và tên Tổng giám đốc:...

2.6. Tại thời điểm đề nghị, ngân hàng thương mại có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 57, Điều 58 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật.

a. Đảm bảo □                            b. Không đảm bảo □

2.7. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cấp tín dụng; tỷ lệ bảo đảm an toàn; phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị;

a. Đảm bảo □                            b. Không đảm bảo □

2.8. Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng mạng lưới;

a. Đảm bảo □                            b. Không đảm bảo □

2.9. Đáp ứng điều kiện về số lượng chi nhánh, phòng giao dịch được phép thành lập theo quy định tại Thông tư:

a. Đảm bảo □                            b. Không đảm bảo □

2.10. Kết quả xếp hạng đã được Ngân hàng Nhà nước thông báo gần nhất tại thời điểm đề nghị: ….

2.11. Tại thời điểm đề nghị, các đơn vị thuộc mạng lưới ở trong nước được chấp thuận thành lập trong năm trước liền kề năm đề nghị đã khai trương hoạt động

a. Đảm bảo □                            b. Không đảm bảo □

2.12. Điều kiện bổ sung đối với việc thành lập chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng con ở nước ngoài:

i) Có thời gian hoạt động tối thiểu là ba (03) năm tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

a. Đảm bảo □                            b. Không đảm bảo □

ii) Có tổng tài sản Có đạt 100.000 tỷ Đồng Việt Nam trở lên theo báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị.

a. Đảm bảo □                            b. Không đảm bảo □

iii) Hoạt động kinh doanh có lãi theo các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán trong 03 năm trước liền kề năm đề nghị:

a. Đảm bảo □                            b. Không đảm bảo □

**3. Đối với trường hợp thành lập phòng giao dịch:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch hiện có tại địa bàn đề nghị thành lập phòng giao dịch | | Thông tin liên quan đến chi nhánh dự kiến quản lý  phòng giao dịch | | | | | |
| Chi nhánh | Phòng giao dịch | Tên và địa chỉ chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch | Số lượng phòng giao dịch chi nhánh đang quản lý | Thời gian hoạt động (tháng) | Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước liền kề năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị (%) | Vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng bằng hình thức phạt tiền trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị (có/không) | Chênh lệch thu chi của năm trước liền kề năm đề nghị |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  | . |  |  |  |  |  |

a. Đảm bảo □                            b. Không đảm bảo □

**4. Người đại diện hợp pháp của ngân hàng thương mại cam kết:** chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại văn bản này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Đính kèm hồ sơ***  (Ghi danh mục tài liệu đính kèm) | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  **CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**  *(Ký tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục số 02**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024*

*quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN NGÂN HÀNG**  **THƯƠNG MẠI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *……., ngày ……. tháng ……. năm …….* |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Ở TRONG NƯỚC; CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, NGÂN HÀNG CON Ở NƯỚC NGOÀI**

|  |  |
| --- | --- |
|  | Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) |

*Bảng 1: Báo cáo tình hình chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện,*

*đơn vị sự nghiệp ở trong nước*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung**  **báo cáo** | **Tại thành phố**  **Hà Nội** | | | **Tại thành phố**  **Hồ Chí Minh** | | | **Tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ngoài địa bàn thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh** | | **Tổng cộng** |
| **Khu vực**  **nội thành** | **Khu vực**  **ngoại thành** | | **Khu vực**  **nội thành** | **Khu vực**  **ngoại thành** | | **Vùng nông thôn** | **Khu vực khác** |  |
| **Vùng nông**  **thôn** | **Khu vực khác** | **Vùng nông**  **thôn** | **Khu vực khác** |
| **1. Số lượng tính đến 31/12, và 30/6 hằng năm** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Chi nhánh |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Phòng giao dịch |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Văn phòng đại diện |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Đơn vị sự nghiệp |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Số phát sinh tăng trong kỳ báo cáo (bao gồm các đơn vị đã được chấp thuận thành lập nhưng chưa khai trương hoạt động)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Chi nhánh được chấp thuận thành lập mới |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Chi nhánh được chuyển đổi từ phòng giao dịch |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Phòng giao dịch được chấp thuận thành lập mới |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Phòng giao dịch được chuyển đổi từ chi nhánh |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Văn phòng đại diện |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Đơn vị sự nghiệp |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3. Số phát sinh giảm trong kỳ báo cáo (chấm dứt hoạt động, chuyển đổi)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Chi nhánh |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Phòng giao dịch |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Văn phòng đại diện |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Đơn vị sự nghiệp |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4. Tình hình hoạt động các chi nhánh** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Số chi nhánh có chênh lệch thu chi dương |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Số chi nhánh có chênh lệch thu chi âm |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Số chi nhánh có tỷ lệ nợ xấu vượt quá 3% |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Số chi nhánh có tỷ lệ nợ xấu không vượt quá 3% |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Số chi nhánh bị xử phạt vi phạm hành chính |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Bảng 2: Báo cáo về tình hình chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình** | **Tên** | **Địa chỉ** | **Vốn cấp/vốn thành lập** | | **Tình hình hoạt động (Báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động)** |
| **Bằng VND** | **Bằng tiền tệ nước sở tại** |  |
| 1. Chi nhánh |  |  |  |  |  |
| Các hiện diện thương mại ở nước ngoài trực thuộc chi nhánh |  |  |  |  |  |
| 2. Văn phòng đại diện |  |  |  |  |  |

*Bảng 3: Báo cáo về tình hình ngân hàng con ở nước ngoài và việc chuyển đổi*

*hình thức pháp lý ngân hàng con ở nước ngoài*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình** | **Tên** | **Địa chỉ** | **Vốn cấp/vốn thành lập/số cổ phần** | | | | **Tình hình hoạt động (Báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động và chuyển đổi hình thức pháp lý ngân hàng con ở nước ngoài)** |
| **Vốn góp/số cổ phần** | | **Tỷ lệ vốn góp/tỷ lệ sở hữu cổ phần** | |
| **Bằng VND** | **Bằng tiền tệ nước sở tại** |  |  |
| Ngân hàng con ở nước ngoài |  |  |  | |  | |  |
| Mạng lưới hoạt động của ngân hàng con ở nước ngoài |  |  |  | |  | |  |

1. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Báo cáo 6 tháng đầu năm: chậm nhất ngày 31 tháng 7 hằng năm.

b) Báo cáo năm: chậm nhất ngày 31 tháng 01 năm liền kề sau năm báo cáo.

2. Thời gian chốt số liệu báo cáo của từng kỳ báo cáo tương ứng với kỳ kế toán theo quy định tại Luật kế toán.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**  *(Ký tên và đóng dấu)* |